

Họ và tên học sinh:	KIỂM TRA MÔN VẬT LÝ 1 PHẦN ĐỘNG LỰC HỌC CHẤT ĐIỂM Ngày kiểm tra: / / 202		
Lớp :			
LỜI DẶN HỌC SINH - Chọn 1 câu trả lời đúng nhất , ghi 1 chữ vào ô tương ứng câu, nếu điều chỉnh thì gạch bỏ và ghi bên cạnh. Vd: 12 A B	ĐIỂM	LỜI PHÊ	MÃ ĐỀ

ĐỀ TRẮC NGHIỆM

(Mỗi câu đúng được $^{10}/_{15}$ đ)

Câu 1: Một lò xo có độ cứng $k = 3\,256\text{ N/m}$ ban đầu dài $l_0 = 0,023\text{ m}$ khi bị kéo dài đến chiều dài l là bao nhiêu (còn trong giới hạn đàn hồi) thì đo được lực đàn hồi $F_{dh} = 423\text{ N}$?

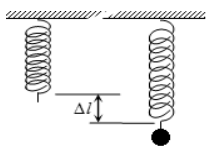
- A. 0,13 m B. 0,11 m C. 7,72 m D. 0,153 m

Câu 2: Công thức tính lực đàn hồi của lò xo là:

- A. $F = G \frac{m_A m_B}{r^2}$ B. $F = \mu N$ C. $P = mg$ D. $F = k|\Delta l|$

Câu 3: Một lò xo có độ cứng $k = 2\,526\text{ N/m}$ khi bị ép giảm $\Delta l = 0,023\text{ m}$ chiều dài (còn trong giới hạn đàn hồi) thì lực đàn hồi F_{dh} từ lò xo có độ lớn là:

- A. 58,1 N B. 11,69 N C. 12,56 N D. 14,06 N



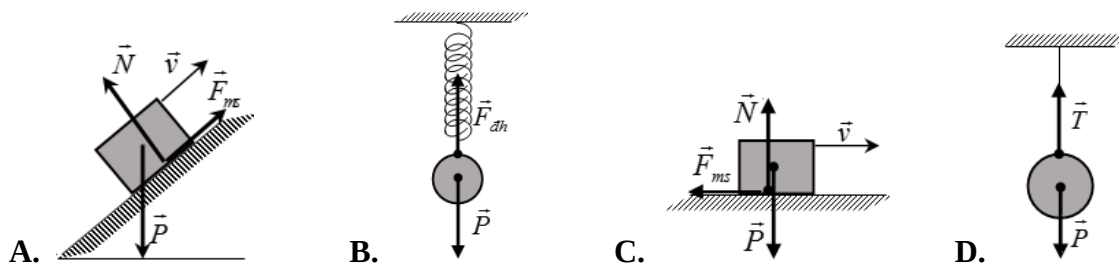
Câu 4: Treo một vật khối lượng $m = 3,28\text{ kg}$ vào một lò xo có độ cứng $k = 784,8\text{ N/m}$ làm lò xo giãn ra một đoạn $\Delta l = 0,041\text{ m}$ khi đạt cân bằng. Tính gia tốc trọng trường g tại khu vực làm thí nghiệm đó.

- A. $9,87\text{ m/s}^2$ B. $9,77\text{ m/s}^2$ C. $9,81\text{ m/s}^2$ D. $9,92\text{ m/s}^2$

Câu 5: Độ lớn gia tốc của chất điểm khối lượng 64 kg chịu một lực 23 N tác dụng là :

- A. $1\,472\text{ m/s}^2$ B. $0,36\text{ m/s}^2$ C. $0,04\text{ m/s}^2$ D. $2,78\text{ m/s}^2$

Câu 6: Các lực đàn hồi, trọng lực, lực ma sát vẽ trong trường hợp nào sau đây **sai ít nhất một lực**:

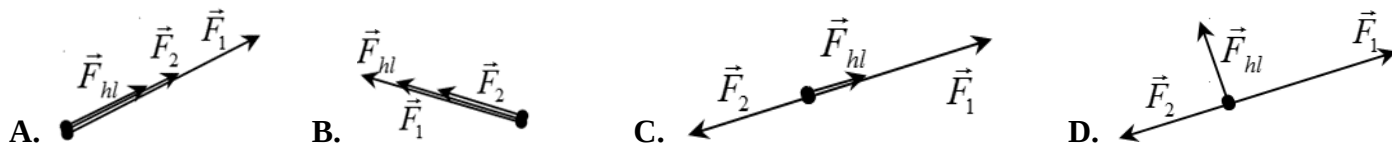


Câu 7: Ý nào sau đây từ định luật II của Newton:

- A. Hai vật có khối lượng sẽ hút nhau bằng các lực gọi là lực hấp dẫn.
 B. Khi không có lực tác dụng hay hợp lực tác dụng bằng không thì vật sẽ chuyển động thẳng đều hoặc đứng yên.
 C. Gia tốc do lực sinh ra có hướng cùng hướng với lực đó, độ lớn tỉ lệ với độ lớn lực và tỉ lệ nghịch với khối lượng vật.
 D. Hai vật tương tác với nhau bằng hai lực trực đối nhau, gọi là lực và phản lực.

BÀI LÀM	
01	
02	
03	
04	
05	
06	
07	
08	
09	
10	
11	
12	
13	
14	
15	

Câu 8: Vector hợp lực $\vec{F}_{hl} = \vec{F}_1 + \vec{F}_2$ tác dụng lên chất điểm trường hợp nào sau đây **đúng**:



Câu 9: Tính độ lớn hợp lực của hai lực vuông góc nhau có độ lớn $F_1 = 24 \text{ N}$ và $F_2 = 63 \text{ N}$ cùng tác dụng vào một chất điểm.

- A. 67,42 N B. 9,33 N C. 4 545 N D. 58,25 N

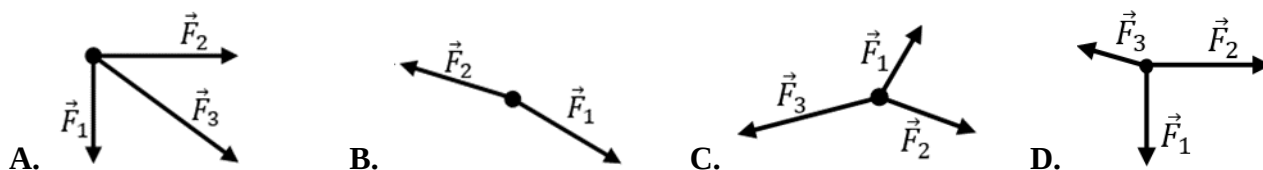
Câu 10: Công thức từ định luật II của Newton là:

- A. $F_{hl} = \sqrt{F_1^2 + F_2^2}$ B. $F_{hl} = |F_1 - F_2|$ C. $F_{hl} = F_1 + F_2$ D. $F_{hl} = ma$

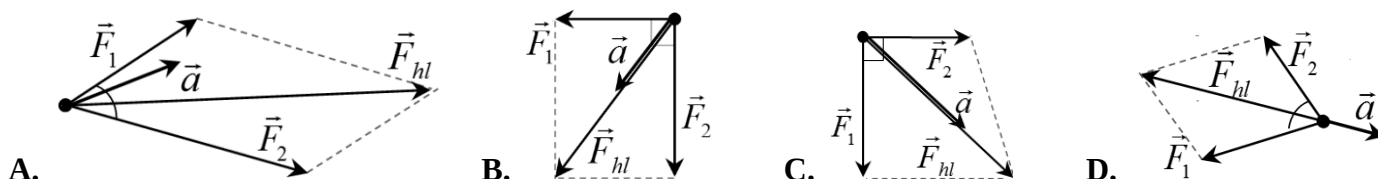
Câu 11: Một chất điểm khối lượng 77 kg chịu tác dụng bởi hai lực vuông góc nhau có độ lớn $F_1 = 366 \text{ N}$ và $F_2 = 468 \text{ N}$. Hãy tính gia tốc của chất điểm.

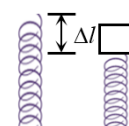
- A. 64 218 m/s² B. 7,72 m/s² C. 0,38 m/s² D. 10,83 m/s²

Câu 12: Chất điểm chỉ chịu tác dụng bởi các lực như hình vẽ, bỏ qua trọng lực. Trường hợp nào sau đây hợp lực bằng 0:



Câu 13: Vector hợp lực $\vec{F}_{hl} = \vec{F}_1 + \vec{F}_2$ tác dụng lên chất điểm và vector gia tốc $\vec{a}$ gây ra bởi $\vec{F}_{hl}$ trường hợp nào sau đây **đúng cả hai**:



Câu 14:  Đặt một vật khối lượng $m = 2,32 \text{ kg}$ lên một lò xo có độ cứng $k = 792,8 \text{ N/m}$ làm lò xo nén lại một đoạn $|\Delta l|$ bao nhiêu khi đạt cân bằng? Cho $g = 9,91 \text{ m/s}^2$.

- A. 0,024 m B. 0,029 m C. 0,034 m D. 0,026 m

Câu 15: Một vật nặng $m = 25 \text{ kg}$ chịu trọng lực $P = 243,5 \text{ N}$ tác dụng chứng tỏ nơi đặt vật có gia tốc rơi tự do g có độ lớn là:

- A. 9,88 m/s² B. 9,92 m/s² C. 9,36 m/s² D. 9,74 m/s²